

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 56/2007/TT-BTC

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2007

THÔNG TƯ**Hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục; trích lập và sử dụng nguồn kinh phí được trích 2% trên số tiền thực nộp vào Ngân sách nhà nước do Kiểm toán nhà nước phát hiện**

Căn cứ Điều 67 của Luật Kiểm toán nhà nước về kinh phí hoạt động của Kiểm toán nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH 11 ngày 03/3/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Phê chuẩn bảng lương và phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo Kiểm toán nhà nước; bảng lương, phụ cấp, trang phục đối với cán bộ, công chức Kiểm toán nhà nước; chế độ ưu tiên đối với Kiểm toán viên nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 162/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ về chế độ tiền lương, chế độ trang phục đối với cán bộ, công chức, viên chức Kiểm toán nhà nước và chế độ ưu tiên đối với Kiểm toán viên nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 23/6/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, sử dụng trang phục đối với cán bộ, công chức Kiểm toán Nhà nước; trích lập và sử dụng nguồn kinh phí được trích 2% trên số tiền thực nộp vào Ngân sách nhà nước do Kiểm toán nhà nước phát hiện ngoài số thu ngân sách nhà nước do cơ quan có nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước đảm nhận (sau đây gọi tắt là nguồn kinh phí 2%) như sau:

I. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, CẤP PHÁT VÀ SỬ DỤNG TRANG PHỤC ĐỐI VỚI KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC:

1. Cán bộ, công chức thuộc Kiểm toán nhà nước được cấp phát trang phục để sử dụng khi thi hành công vụ theo số lượng, niên hạn sử dụng trang phục được quy định tại Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH 11 ngày 03/3/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XI.

Hình thức, màu sắc, kiểu dáng của trang phục trong ngành Kiểm toán nhà nước do Tổng Kiểm toán nhà nước quy định.

2. Nguồn kinh phí may sắm trang phục:

Hàng năm căn cứ vào đối tượng được cấp trang phục, số lượng chủng loại trang phục đến niên hạn, Kiểm toán nhà nước lập dự toán kinh phí mua sắm trang phục. Kinh phí để thực hiện chế độ trang phục của cán bộ, công chức Kiểm toán nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Kiểm toán nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Nguyên tắc cấp phát:

- Việc cấp phát, sử dụng trang phục phải đúng mục đích, đối tượng theo quy định của Kiểm toán nhà nước; phải mở sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát đến từng công chức bảo đảm chính xác, tránh nhầm lẫn, trùng lặp.

- Trang phục bị hư hỏng, mất mát vì lý do khách quan thì được cấp bổ sung. Trường hợp hư hỏng, mất mát không có lý do chính đáng, cá nhân phải đăng ký để được cấp bổ sung và phải chịu chi phí cấp bổ sung hoặc tự mua sắm, đảm bảo yêu cầu trang phục để sử dụng khi thi hành công vụ.

- Đối với các trường hợp thôi việc, nghỉ hưu, nghỉ mất sức, chuyển công tác khác mà trang phục được cấp chưa hết niên hạn thì không phải thu hồi.

- Căn cứ vào điều kiện cụ thể, Tổng Kiểm toán Nhà nước có thể quyết định may sắm, cấp phát trang phục cho từng cán bộ, công chức hoặc có thể xem xét, quyết định cấp tiền cho công chức tự may sắm trên cơ sở giá mua, tiêu chuẩn và mẫu do Tổng Kiểm toán Nhà nước quy định.

- Nghiêm cấm việc sử dụng tiền may trang phục cho cán bộ, công chức sai mục đích, trái quy định.

4. Việc thanh toán, quyết toán kinh phí may sắm trang phục đối với cán bộ, công chức Kiểm toán Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

II. QUY ĐỊNH VỀ VIỆC TRÍCH LẬP, SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ 2%:

Hàng năm, căn cứ vào kết luận của Kiểm toán Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước được trích 2% số tiền thực nộp vào Ngân sách nhà nước ngoài số thu ngân sách nhà nước do cơ quan có nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước đảm nhiệm để đầu tư cơ sở vật chất tăng cường năng lực hoạt động trong ngành và khen thưởng trong hoạt động kiểm toán.

1. Các khoản tiền thực nộp vào ngân sách nhà nước do Kiểm toán Nhà nước phát hiện được trích 2% theo quy định tại Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH 11 và Nghị định số 162/2006/NĐ-CP; bao gồm:

- Các khoản tăng thu cho ngân sách nhà nước do Kiểm toán nhà nước phát hiện đã nộp ngân sách nhà nước (thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác);

- Các khoản kinh phí chi sai chế độ đã nộp lại ngân sách nhà nước;

- Các khoản chi sai chế độ giảm trừ quyết toán (đầu tư xây dựng, quyết toán ngân sách) phải thu hồi đã thực nộp vào ngân sách nhà nước;

- Kinh phí thừa và các khoản giảm chi khác mà đơn vị đã chi sử dụng trái quy định, phải thu hồi đã thực nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ để trích 2% số tiền thực nộp vào Ngân sách nhà nước:

a) Đối với Kiểm toán Nhà nước và các Đoàn Kiểm toán Nhà nước:

- Khi tổng hợp kết quả kiểm toán, các Đoàn Kiểm toán Nhà nước lập bảng tổng hợp các kiến nghị tăng thu ngân sách nhà nước, gồm có các nội dung:

+ Kiến nghị thu từ các khoản ản lậu tại các đối tượng phải nộp ngân sách nhà nước đã được Đoàn Kiểm toán phát hiện.

+ Các khoản chi sai chế độ nộp lại ngân sách nhà nước.

+ Các khoản chi sai chế độ phải giảm trừ dự toán, giảm cấp phát từ ngân sách nhà nước.

- Bảng tổng hợp phải chi tiết theo từng đơn vị dự toán có sai phạm và tên Kho bạc nơi đơn vị giao dịch.

- Đồng thời, trong kết luận kiểm toán, các Đoàn Kiểm toán Nhà nước cần yêu cầu rõ: Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về nộp ngân sách nhà nước, giảm chi ngân sách nhà nước thì phải ghi rõ nội dung và số tiền thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước trên chứng từ thu ngân sách nhà nước.

b) Đối với đơn vị được kiểm toán:

Đơn vị được kiểm toán ghi đúng bản chất kinh tế (Ví dụ: nộp.... đồng theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại văn bản số... ngày... tháng... năm về...).

Mẫu chứng từ nộp tiền thực hiện theo quy định tại Quyết định số 24/2006/QĐ-BTC ngày 06/4/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán nhà nước và nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước.

c) Kho bạc nhà nước, nơi đơn vị được cơ quan kiểm toán thực hiện kiểm toán mở tài khoản giao dịch, mở sổ sách ghi chép chi tiết kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước theo đơn vị được kiểm toán và theo nội dung sai phạm (đã được ghi rõ trên chứng từ, chi tiết theo năm kiểm toán) và tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Cuối năm, Kho bạc nhà nước tổng hợp số tiền thực nộp vào kho bạc nhà nước do Kiểm toán Nhà nước phát hiện (theo số lũy kế năm, bao gồm cả số kiến nghị nộp ngân sách của Kiểm toán Nhà nước các năm trước nhưng đến năm nay đơn vị được kiểm toán mới thực nộp vào ngân sách nhà nước) trong phạm vi toàn quốc theo từng Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương theo danh mục đơn vị được kiểm toán theo quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước về kế hoạch kiểm toán hàng năm, gửi báo cáo về Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước, làm cơ sở thực hiện Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

d) Căn cứ vào báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước do Kho bạc nhà nước lập, Bộ Tài chính thực hiện trích 2% trên số tiền đã thực nộp ngân sách nhà nước cho Kiểm toán Nhà nước theo quy định tại điểm 4 Mục II Thông tư này.

3. Về việc sử dụng nguồn kinh phí 2%:

Việc sử dụng nguồn kinh phí 2% từ kết quả hoạt động kiểm toán được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chi khuyến khích, thưởng đối với cán bộ, công chức từ nguồn kinh phí được trích 2% cộng với tiền lương cấp bậc, chức vụ được đảm bảo từ kinh phí ngân sách nhà nước cấp, tối đa không vượt quá 1,8 lần tiền lương cấp bậc, chức vụ đối với cán bộ, công chức trực tiếp làm nhiệm vụ kiểm toán viên, không quá 1,6 lần đối với những cán bộ, công chức khác, bao gồm cả chế độ phụ cấp theo nghề mức từ 15% đến 25% tùy theo từng đối tượng đã quy định trong Nghị quyết số 1003/2006/NQ-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Về việc bố trí kinh phí 2% trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của Kiểm toán Nhà nước:

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước; Kiểm toán Nhà nước căn cứ vào ước thực hiện số tiền thực thu nộp vào ngân sách nhà nước do Kiểm toán Nhà nước phát hiện của năm đó để xác định kinh phí trích 2% của năm kế hoạch, tổng hợp chung trong dự toán thu, chi ngân sách của Kiểm toán nhà nước, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung vào

dự toán ngân sách nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Kết thúc năm, trên cơ sở xác nhận số tiền thực nộp vào ngân sách nhà nước của Kho bạc Nhà nước, Bộ Tài chính sẽ xem xét giải quyết số chênh lệch giữa số được trích trên số thực nộp vào ngân sách nhà nước cao hơn hoặc thấp hơn số đã bố trí trong dự toán chi ngân sách, cụ thể như sau:

- Trường hợp số thực nộp cao hơn số đã bố trí trong dự toán năm thì số thiếu sẽ được bố trí vào dự toán của năm sau nữa (ví dụ: số thiếu của năm 2006 được bố trí vào dự toán của năm 2008);

- Trường hợp số thực nộp thấp hơn số đã bố trí trong dự toán năm thì số đã bố trí thừa sẽ được trừ vào số phải bố trí của năm sau nữa (ví dụ: số thừa của năm 2006 được trừ vào số được trích 2% bố trí trong dự toán của năm 2008);

5. Về phân bổ, giao dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích 2% trên số thực nộp vào ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện hiện hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận: *Hand*.

- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Viện kiểm sát ND tối cao;
- Tòa án ND tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước; các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ TC;
- Lưu: VT, Vụ HCSN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

